

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 28/3/2018

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A
Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Việt Quốc**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Huỳnh Trường Huân**.

Bà **Nguyễn Thị Tuyết Ái**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Huynh** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Hoàng Lưu** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 368/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2017 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2018/QĐXXST-DS ngày 02/3/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm **1984**.

Cư trú: Tổ 1, ấp H, xã C, Thị xã T, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà **Chung Thị L**, sinh năm **1986**.

Nơi ĐKKHKT: Ấp B, xã N, huyện A, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp P, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang.

(Ông T có mặt, bà L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai cùng ngày 20/11/2017 cùng với các tài liệu và chứng cứ kèm theo của ông Nguyễn Ngọc T trình bày: Hôn nhân của ông với Chung Thị L do người lớn mai mối được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức đám cưới vào năm 2007. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện P, tỉnh An Giang vào ngày 9/8/2007. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên mâu thuẫn, bà L có người đàn ông khác, gia đình hai bên có đứng ra hàn gắn nhưng không thành. Ông và bà L ly thân từ năm 2014 đến nay. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nên ông xin ly hôn với bà L.

Về quan hệ con chung: Ông và bà L có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Phát T sinh ngày 08/8/2008. Hiện nay cháu T đang sống chung với ông, nếu ly hôn ông yêu cầu tiếp tục nuôi dạy con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt cho bà Chung Thị L theo quy định nhưng bà L vẫn không có mặt theo văn bản triệu tập của Tòa án, mặc dù trong quá trình tiến hành tố tụng Tòa án có phân công cán bộ đến tại nhà của bà L làm việc nhưng vẫn không gặp bà L để ghi lời khai.

Chứng cứ thu thập được: Tại biên bản xác minh ngày 22/02/2017 được ông Chung Văn Đ là cha của bà Chung Thị L cho biết: Quan hệ hôn nhân giữa bà ông T và bà L do cha mẹ hai bên định đoạt, có đăng ký kết hôn. Ông T, bà L sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân cụ thể thì ông không biết nhưng ông có nghe bà L nói lại là vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm. Ông T và bà L ly thân từ năm 2014 đến nay. Việc ông T xin ly hôn với bà L ông không có ý kiến nhưng ông có nghe bà L nói lại bà L cũng muốn xin ly hôn nhưng do bận làm thuê chưa về làm thủ tục ly hôn được. Đối với con chung của ông T và bà L thì bên ông và bà L thống nhất để ông T tiếp tục nuôi dạy con chung. Ngoài ra ông Đ con cho biết L còn nằm trong hộ khẩu gia đình, đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp B, xã N, huyện A. Gia đình ông đã tạm trú tại ấp P, xã Đ, huyện A từ năm 2006 đến nay nhưng chưa chuyển hộ khẩu.

Tại biên bản xác minh ngày 26/02/2018 được ông Lương Văn C – Trưởng Công an xã N cho biết bà Chung Thị L sinh năm 1986 là con ruột ông Chung Văn Đ. Từ trước đến nay gia đình bà L đã đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương và hiện nay hộ khẩu của bà L vẫn còn tại địa Phương.

Tại biên bản xác minh ngày 01/3/2018 được ông Nguyễn Văn Ô – Phó ấp P cho biết: Bà Chung Thị L là con ông Chung Văn Đ. Gia đình ông Đ, trong đó có bà L để tạm trú tại ấp P, xã Đ để nuôi cá bè khoảng 10 năm. Hộ khẩu của bà L thì vẫn còn ở xã N. Bà L là vợ ông Nguyễn Ngọc T. Cách nay khoảng 01 năm địa phương có tổ chức hòa giải việc nuôi con chung giữa ông T và bà L. Hiện nay con chung giữa ông T và bà L do ông T đang nuôi dạy. Bà L sống chung với cha mẹ tại ấp P, xã Đ nhưng hiện nay đi làm thuê, vài tháng về thăm nhà một lần.

Tại Phiên tòa ông T bảo lưu ý kiến. Riêng bà L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử (HĐXX), xét xử vắng mặt bà L theo thủ tục chung.

Quan điểm Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, hòa giải, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị HĐXX: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Nguyễn Ngọc T.

Về tình cảm: Ông T và bà L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P huyện P, tỉnh An Giang. Xét đây là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, việc mâu thuẫn giữa ông T và bà L không thể hàn gắn nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của ông T.

Về con chung: Đồng ý để ông T được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Nguyễn Ngọc Phát T sinh ngày 08/8/2008 và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Ngọc T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Chung Thị L. Đồng thời, bà L cư trú trên địa bàn huyện A. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà L được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà L theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa ông T, bà L là do mai mối, được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới năm 2007, có đăng ký kết hôn vào ngày 09/8/2007 tại UBND xã P, huyện P, tỉnh An Giang theo quy định nên được xem là hôn nhân hợp pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên thụ lý, giải quyết theo Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của ông T xin ly hôn với bà L, HĐXX xét thấy thời gian ly thân giữa ông T, bà L đã lâu nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn. Ông Chung Văn Đ là cha ruột của bà L có ý kiến bà Loan thống nhất ly hôn nhưng do bà L bận đi làm thuê không về được. Do đó HĐXX chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của ông T quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Có 01 con chung Nguyễn Ngọc Phát T, sinh ngày 08/8/2008. HĐXX xét thấy, từ khi ly thân đến nay con chung đang sống với ông T. Cháu T cũng trình bày nguyện vọng muốn được tiếp tục sống chung với ông T. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển tâm sinh lý bình thường và điều kiện sống của con chung, HĐXX nghĩ nên chấp nhận để cho ông T tiếp tục nuôi dạy là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Ông T không yêu cầu bà L cấp dưỡng nên công nhận sự tự nguyện của ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

HĐXX cũng giải thích cho các đương sự biết: Ông T cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Ông T tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

[7] Về án phí: Ông T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân. Các bên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 227, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm b, khoản 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Nguyễn Ngọc T.

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Ngọc T được ly hôn với bà Chung Thị L.

Về con chung: Ông Nguyễn Ngọc T được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Nguyễn Ngọc Phát T, sinh ngày 08/8/2008.

Ông T cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, chuyển từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002671 ngày 28/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A. (ông T đã nộp đủ)

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (28/3/2018) các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn này đối với bà L được tính kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAT
- VKSH
- THAH
- Các đương sự.
- UBND xã;
- Lưu vp
- Lưu hs

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Việt Quốc